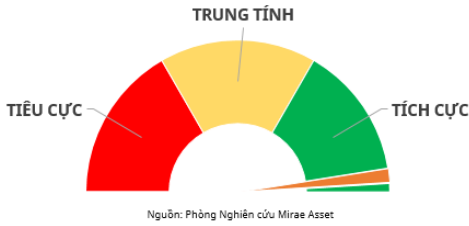


02 Tháng Bảy 2021

Bản tin cuối ngày Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeeasset.com.vn

Thang đo sức mạnh thị trường



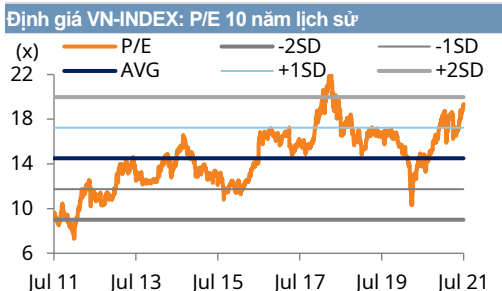
Tổng quan thị trường				
	Thị giá	1W (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,420.27	2.17	5.93	68.60
HNX	328.01	3.08	1.85	193.89
UPCOM	90.64	1.30	1.40	62.17
MSCI EM	1,368.22	-0.82	-1.46	33.68
NIKKEI	28,783.28	-0.97	-0.56	29.97
HANG SENG	28,310.42	-1.98	-3.93	15.90
KOSPI	3,281.78	-0.64	1.78	53.69
FTSE	7,139.97	0.05	0.45	14.42
S&P 500	4,319.94	1.25	2.66	38.02
NASDAQ	14,522.38	1.06	5.57	42.27

Định giá thị trường			
	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	19.35	2.86	14.97
SET INDEX	29.66	1.69	5.96
JCI INDEX	24.33	1.85	6.20
PCOMP INDEX	29.93	1.72	5.95

Lãi suất tham chiếu				
	Thị giá	1W (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	-50
5 năm	1.08	-1	-3	-87
10 năm	2.18	-4	-3	-78

Tỷ giá ngoại hối				
	Thị giá	1W (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	23,012	0.00	0.15	0.84
US\$/KRW	1,135	-0.63	-1.91	5.74
US\$/JPY	111	-0.62	-1.69	-3.54
US\$/EUR	0.85	0.90	3.21	-4.99
US\$/GBP	0.73	0.86	2.96	-9.40
US\$/SGD	1.35	-0.61	-2.07	3.27

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)			
	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	1,021	967	507
HNX	156	158	70
UPCOM	71	70	32



Nhận định thị trường

Lực bán có dấu hiệu tăng mạnh vào cuối các phiên giao dịch

VN-Index tiếp tục có tuần giao dịch tích cực với mức tăng 30,15 điểm (+2,15%) chốt phiên tại 1.420,27, kéo dài chuỗi tăng lên 3 tuần liên tiếp. Mức tăng trên 30 điểm cũng là mức cao nhất trong 3 tuần, việc vượt qua ngưỡng 1.400 có thể đã giúp tâm lý thận trọng NĐT được cởi bỏ và mạnh dạn mua cao giúp VN-Index tăng nhanh hơn 2 tuần trước đó. Tuy nhiên theo quan sát của chúng tôi diễn biến chờ bán giá cao cũng đã xuất hiện tại vùng 1.415 – 1.420 kiểm tra tăng của chỉ số.

Tuần này nhóm cổ phiếu ngân hàng đã không còn chiếm phần lớn top 10 cổ phiếu ảnh hưởng VN-Index, tuy nhiên với 4 vị trí (VPB, TCB, VCB, BID) đây vẫn là nhóm hỗ trợ lớn nhất đến chỉ số. VHM với mức tăng 5,3% đã giúp VN-Index tăng 5,3 điểm và là cổ phiếu ảnh hưởng lớn nhất trong tuần, tiếp theo là 2 mã ngân hàng là VPB và TCB với mức ảnh hưởng ngang nhau là +2,6 điểm

Khối ngoại có tuần mua ròng mạnh với giá trị mua ròng vượt trên 3.200 tỷ đồng, trong đó hầu hết đến từ giao dịch thỏa thuận cổ phiếu NVL. NVL được mua ròng hơn 3.250 tỷ đồng trong tuần, tiếp theo là VHM với giá trị 541 tỷ đồng, VCB đứng thứ 3 với giá trị 436 tỷ đồng. Bên phía bán ròng, VPB là cổ phiếu bị bán ròng mạnh nhất với chuỗi bán ròng cả 5 phiên, tổng giá trị bán vượt hơn 1.500 tỷ đồng.

NĐT đã tỏ ra lạc quan hơn sau khi VN-Index vượt 1.400, giúp chỉ số có tuần tăng mạnh nhất trong 3 tuần, tuy nhiên sau phiên đầu tuần tăng mạnh gần 16 điểm, các phiên tăng điểm còn lại chỉ tăng dưới 5 điểm. Diễn biến chờ bán cao sẽ là lực cản quan trọng cho VN-Index trên con đường hướng đến 1.450. Điểm số kỹ thuật ngắn hạn của Mirae Asset đang ở mức **+7 (KHẢ QUAN)**.

Phạm Bình Phương, Analyst, 84-8-39102222, phuong.pb@miraeeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	7	KHẢ QUAN
VN30	7	KHẢ QUAN
VN30F1M	5	KHẢ QUAN
VN DIAMOND	2	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	2	TRUNG TÍNH
Shanghai Composite	0	TRUNG TÍNH
Kospi	-2	TRUNG TÍNH
Nikkei 225	-4	TIÊU CỰC
FTSE 100 (EU)	0	TRUNG TÍNH
Dow Jones	5	KHẢ QUAN

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thị trường trái phiếu:

- Trong tuần, KBNN đã huy động thành công gần 3.000 tỷ đồng TPCP, đạt 49,5% tổng giá trị gọi thầu. Tuy nhiên tỷ lệ Chào mua /Gọi thầu lại tăng lên mức 2,4 lần so với mức 2,2 lần của tuần trước. Hầu hết lượng TPCP trúng thầu tại kỳ hạn 10 năm với tổng giá trị 2.856 tỷ đồng được phát hành thành công tại mức lợi suất 2,2% (+0bps). Các kỳ hạn còn lại chỉ duy nhất kỳ hạn 15 năm phát hành thành công 112 tỷ đồng/ 2.000 tỷ đồng tại mức lợi suất 2,46%, các kỳ hạn 7 năm và 20 năm đều thất bại toàn bộ
- Tuần sau vào ngày 07/07 KBNN sẽ tổ chức đấu thầu 6.000 tỷ đồng TPCP tại các kỳ hạn: (1) Kỳ hạn 5 năm có giá trị 1.000 tỷ đồng; (2) Kỳ hạn 10 năm có giá trị 3.000 tỷ đồng; (3) Kỳ hạn 15 năm có giá trị 1.000 tỷ đồng và (4) kỳ hạn 30 năm có giá trị 1.000 tỷ đồng.

Nguồn: Bộ phận phân tích Mirae Asset, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính.

Thị trường tiền tệ:

- **Lãi suất liên ngân hàng:** Trong tuần 23/06 – 30/06, lãi suất các kỳ hạn ngắn như O/N, 1 tuần và 2 tuần đã ghi nhận mức giảm nhẹ và chốt tuần lần lượt ở các mức 1,13% (-1bps), 1,32% (-2bps) và 1,47% (-4bps). Trong khi đó các kỳ hạn dài hơn đã tăng khá mạnh như kỳ hạn 3 tháng tăng 42bps lên 2,24%, kỳ hạn 6 tháng tăng 54bps lên 2,48%, còn lại kỳ hạn 1 tháng giữ nguyên ở mức 2,02%.
- Tỷ giá VND/USD tại ngày 25/06/21 của NHNN đã tăng 0,022% so với cuối tuần trước, lên mức 23.184 VND/USD. Ngược lại tỷ giá NHTM đã giảm lần lượt 0,044% chiều mua và 0,043% chiều bán, về mức 22.870 – 23.100 VND/USD. Trong khi đó, tỷ giá tự tăng 0,518% chiều mua và 0,603% chiều bán lên mức 23.300 – 23.350 VND/USD.

Nguồn: Bộ phận phân tích Mirae Asset, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Vietcombank

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	7	KHẢ QUAN
VN30	7	KHẢ QUAN
VN30F1M	5	KHẢ QUAN
VN DIAMOND	2	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	2	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIẾU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Giá trị	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (02/07/2021)	1,420.3	Kháng cự 1	1.420
Xu hướng ngắn hạn (1 – 4 tuần)	Tăng	Kháng cự 2	1.450
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Tăng	Hỗ trợ 1	1.400
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Tăng	Hỗ trợ 2	1.350

Vn-Index sau khi vượt 1.400 đang hướng đến vùng kháng cự cao hơn là 1.450, tuy nhiên chúng tôi lưu ý ngưỡng 1.420 có thể sẽ còn thử thách chỉ số này trong 1 vài phiên tiếp theo. Điểm số kỹ thuật ngắn hạn của Mirae Asset đang ở mức **+7 (KHẢ QUAN)**.

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Fireant

Nhận định phái sinh

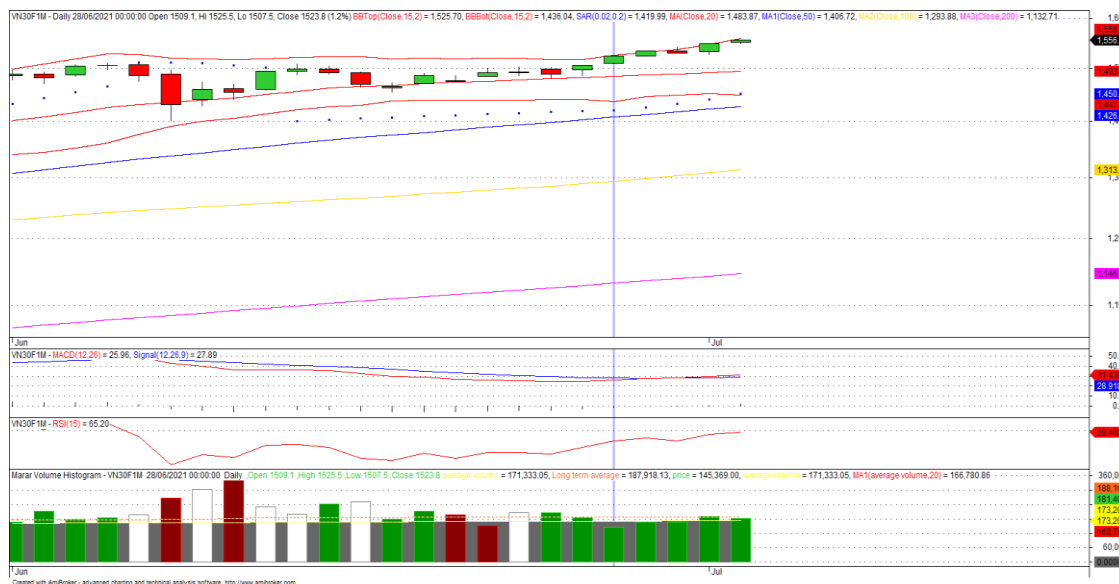
Chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (02/07/2021)	1,556	Kháng cự 1 1.500
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	TRUNG TÍNH	Kháng cự 2 1.520
VN30 – đóng cửa	1.554	Hỗ trợ 1 1.480
Chênh lệch VN30F1M & VN30	+1.5	Hỗ trợ 2 1.450

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	5	KHẢ QUAN
VN30F1M (chart 60 phút)	6	TRUNG TÍNH
VN30F1M (chart ngày)	5	TRUNG TÍNH

VN30F1M đóng cửa ở vùng giá cao nhất trong lịch sử xu hướng hiện tại vẫn tiếp tục đi ngang và khối lượng giao dịch vẫn tiếp tục duy trì không có sự đột biến. Vì vậy nhằm giảm thiểu rủi ro ở những phiên điều chỉnh mạnh và bất ngờ, chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư nên đứng ngoài theo dõi xu hướng

Chiến lược 1 (Short)	Điểm số	Chiến lược 2 (Long)	Điểm số
+ Short	n/a	+ Long	n/a
+ Stop loss (Cắt lỗ)	n/a	+ Stop loss (Cắt lỗ)	n/a
+ Take profit (Chốt lời)	n/a	+ Take profit (Chốt lời)	n/a

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (đồ thị ngày)



Nguồn: Finpro

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã	Đóng cửa	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa	P/E	P/BV
Đơn vị	(KVNĐ)				(tỷ đồng)	(lần)	(lần)
AAA	18.65	14,102,485	0	TRUNG TÍNH	5,535	13.3	1.1
ACB	36.1	10,645,245	0	TRUNG TÍNH	97,540	11.3	2.6
AGR	15.75	3,328,585	7	KHẢ QUAN	3,326	27.6	1.6
ANV	32.35	1,184,985	-2	TRUNG TÍNH	4,113	18.5	1.7
ART	10.4	4,719,910	2	TRUNG TÍNH	1,008	38.5	0.9
BID	47.05	4,081,625	4	KHẢ QUAN	189,236	23.0	2.4
BSI	25.8	2,107,845	7	KHẢ QUAN	3,137	12.6	2.0
BSR	20.9	20,879,436	-4	TIÊU CỰC	64,800	#N/A N/A	2.1
BVH	59.1	1,468,175	-4	TIÊU CỰC	43,871	23.2	2.1
BVS	34	1,299,440	7	KHẢ QUAN	2,455	13.0	1.3
CEO	9.8	4,067,610	-7	TIÊU CỰC	2,522	#N/A N/A	0.9
CII	18.95	2,931,730	-1	TRUNG TÍNH	4,527	340.6	1.0
CTG	52.7	17,965,456	-2	TRUNG TÍNH	196,223	11.1	2.2
CTR	73.8	642,855	0	TRUNG TÍNH	6,858	24.5	6.5
CTS	25.9	2,230,030	7	KHẢ QUAN	2,756	10.6	1.9
DBC	60.5	2,381,345	-4	TIÊU CỰC	6,972	4.8	1.5
DCM	20.1	4,748,185	-4	TIÊU CỰC	10,641	17.9	1.7
DGC	83.2	1,064,895	0	TRUNG TÍNH	14,234	15.1	3.4
DIG	25.5	5,621,815	-6	TIÊU CỰC	10,452	13.7	2.2
DLG	3.44	11,394,810	-2	TRUNG TÍNH	1,030	#N/A N/A	0.5
DPM	23.65	2,936,450	2	TRUNG TÍNH	9,255	12.3	1.2
DRC	31.2	2,589,835	6	KHẢ QUAN	3,706	13.1	2.1
DXG	23.8	11,872,415	-6	TIÊU CỰC	12,335	#N/A N/A	1.8
FIT	17.5	9,868,215	7	KHẢ QUAN	4,458	65.5	1.5
FLC	13.05	29,854,476	-7	TIÊU CỰC	9,265	6.7	1.0
FPT	91.9	2,521,760	7	KHẢ QUAN	83,396	22.4	5.0
GAS	96.6	1,151,070	5	KHẢ QUAN	184,888	24.5	3.7
GEX	22.8	6,184,880	0	TRUNG TÍNH	17,811	13.6	1.9
GMD	44.55	2,664,485	4	KHẢ QUAN	13,426	35.8	2.2
GVR	36.2	6,326,700	4	KHẢ QUAN	144,800	33.2	3.0
HAH	33.5	1,630,745	7	KHẢ QUAN	1,588	9.6	1.4
HBC	15.1	5,594,315	-7	TIÊU CỰC	3,486	39.4	1.0
HCM	54.5	6,623,235	5	KHẢ QUAN	16,625	22.1	3.5
HDB	37.2	4,694,030	7	KHẢ QUAN	59,288	12.0	2.4
HDC	52.2	1,041,695	-4	TIÊU CỰC	4,340	16.2	3.6
HDG	43.35	1,356,925	4	KHẢ QUAN	6,688	6.1	2.0
HNG	10.65	14,501,550	-5	TIÊU CỰC	11,806	453.6	1.4
HPG	52.3	27,714,756	4	KHẢ QUAN	233,934	12.9	3.5
HQC	3.83	16,032,585	-6	TIÊU CỰC	1,825	256.1	0.4
HSG	42.4	11,129,880	0	TRUNG TÍNH	20,737	8.6	2.6
HUT	8.3	6,138,495	-4	TIÊU CỰC	2,230	#N/A N/A	0.8
IDC	36	4,168,825	-4	TIÊU CỰC	10,800	34.4	2.9
IJC	32.65	7,563,285	-4	TIÊU CỰC	7,088	10.7	2.1
ITA	7.46	13,007,510	-6	TIÊU CỰC	7,000	33.7	0.6
KBC	39.65	10,412,060	2	TRUNG TÍNH	18,626	24.2	1.8
KDC	61.8	1,584,595	2	TRUNG TÍNH	14,137	46.0	2.4
KDH	37.6	2,630,945	2	TRUNG TÍNH	23,428	19.3	2.8
KSB	28.45	1,684,905	-7	TIÊU CỰC	1,896	7.5	1.2
LCG	12.65	3,012,950	-7	TIÊU CỰC	1,458	4.1	0.8
LPB	29.8	11,480,875	-2	TRUNG TÍNH	32,024	14.2	2.1
MBB	43.45	23,907,650	4	KHẢ QUAN	121,606	12.0	2.4
MBS	35.7	2,830,725	7	KHẢ QUAN	11,363	19.7	3.1

MSN	113.9	1,284,435	7	KHẢ QUAN	134,463	88.9	8.3
MWG	156.8	730,420	5	KHẢ QUAN	74,529	17.3	4.3
NKG	36.75	3,974,220	7	KHẢ QUAN	6,321	11.1	1.8
NLG	39.4	2,640,225	4	KHẢ QUAN	11,240	9.8	1.7
NVB	20.7	8,525,740	7	KHẢ QUAN	8,421	776.0	2.0
NVL	119	2,836,955	2	TRUNG TÍNH	175,359	38.6	5.5
OIL	15.2	3,395,760	-2	TRUNG TÍNH	15,720	#N/A N/A	1.7
ORS	27	1,389,010	1	TRUNG TÍNH	2,700	25.6	4.2
PAN	26.8	1,847,550	-7	TIÊU CỰC	5,598	28.5	1.5
PDR	95.9	5,138,370	0	TRUNG TÍNH	46,681	35.5	8.8
PET	23.1	2,595,810	3	TRUNG TÍNH	1,930	12.5	1.2
PHR	56.1	896,445	-5	TIÊU CỰC	7,602	7.9	2.4
PLX	55.4	3,792,245	-2	TRUNG TÍNH	68,907	19.0	2.9
POW	12	10,764,685	-7	TIÊU CỰC	28,102	11.6	1.0
PVD	22.25	10,343,375	-4	TIÊU CỰC	9,370	145.0	0.7
PVS	28.1	15,768,940	-7	TIÊU CỰC	13,431	20.4	1.1
PVT	20.9	6,019,140	-4	TIÊU CỰC	6,764	9.2	1.3
REE	56.7	688,560	0	TRUNG TÍNH	17,523	9.8	1.5
ROS	6.37	16,392,450	-7	TIÊU CỰC	3,616	198.7	0.6
SBS	16.8	3,707,650	5	KHẢ QUAN	2,128	1,852.3	10.3
SBT	21	4,424,760	-6	TIÊU CỰC	12,960	18.6	1.6
SCR	11.9	12,642,665	2	TRUNG TÍNH	4,360	24.7	0.9
SHB	29	26,141,770	3	TRUNG TÍNH	55,841	16.6	2.2
SHI	25.6	1,535,290	0	TRUNG TÍNH	2,332	30.7	2.1
SHS	47.3	9,556,990	3	TRUNG TÍNH	9,804	10.0	2.6
SSI	57.9	14,824,600	5	KHẢ QUAN	37,920	20.9	3.3
STB	31.5	28,075,216	5	KHẢ QUAN	56,815	21.1	1.9
SZC	38.5	1,125,360	-6	TIÊU CỰC	3,850	18.2	2.9
TCB	54.3	18,155,140	3	TRUNG TÍNH	190,316	13.3	2.4
TCH	21.85	5,480,670	-6	TIÊU CỰC	8,722	8.5	1.5
TNG	23.7	3,082,030	-4	TIÊU CỰC	1,885	12.6	1.5
TPB	37.75	4,476,720	1	TRUNG TÍNH	40,456	9.9	2.2
TSC	12.1	4,859,040	0	TRUNG TÍNH	1,787	123.5	1.1
TTF	7.67	6,287,685	-2	TRUNG TÍNH	2,387	#N/A N/A	#N/A N/A
VCB	114.9	2,048,820	4	KHẢ QUAN	426,150	20.1	4.2
VCI	58.2	3,430,560	5	KHẢ QUAN	19,381	20.4	3.9
VCS	111.8	395,530	4	KHẢ QUAN	17,888	13.2	4.2
VG T	20	5,128,665	6	KHẢ QUAN	10,000	35.1	1.6
VHC	45	2,129,005	-4	TIÊU CỰC	8,188	11.7	1.5
VHM	118	4,462,075	2	TRUNG TÍNH	388,163	15.0	4.3
VIB	50.1	1,144,690	-4	TIÊU CỰC	77,812	14.9	4.0
VIC	117.5	2,037,475	0	TRUNG TÍNH	397,436	54.0	4.9
VIX	28.45	4,397,815	-2	TRUNG TÍNH	3,634	5.4	1.8
VJC	120.6	597,270	4	KHẢ QUAN	65,318	53.5	4.3
VND	48.4	7,686,015	1	TRUNG TÍNH	10,383	14.3	3.7
VNM	90.1	3,479,560	0	TRUNG TÍNH	188,305	19.2	6.0
VPB	72.1	28,109,570	3	TRUNG TÍNH	176,987	15.6	3.2
VRE	31.7	4,847,425	-4	TIÊU CỰC	72,032	27.0	2.4

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

Chứng khoán châu Á trái chiều, thị trường Trung Quốc giảm sâu nhất khu vực

Chỉ số MSCI châu Á – Thái Bình Dương không gồm Nhật Bản giảm 0,95%.

Tại Nhật Bản, Nikkei 225 tăng 0,27% còn Topix tăng 0,88%.

Thị trường Trung Quốc giảm sâu nhất khu vực với Shanghai Composite mất 1,95%, Shenzhen Component giảm 2,448%. Hang Seng của Hong Kong giảm 1,8%.

Chỉ số Kospi của Hàn Quốc giảm 0,01%.

ASX 200 của Australia tăng 0,59%.

Lạm phát lên gần đỉnh 9 năm, Hàn Quốc đối mặt áp lực tăng lãi suất sớm

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 6 của Hàn Quốc tăng 2,4% so với cùng kỳ năm trước, theo số liệu công bố hôm nay, thấp hơn so với dự báo tăng 2,5% từ giới phân tích. CPI tháng 5 là 2,6%, tăng nhanh nhất kể từ tháng 4/2012.

Nhiều nhà kinh tế cho rằng lãi suất cơ bản, đang thấp kỷ lục 0,5%, của Hàn Quốc có thể tăng sớm nhất vào quý III, giá nhà ở tăng còn lạm phát trên 2%, bất chấp hiệu ứng nền mờ nhạt dần.

Hàn Quốc có thể là nền kinh tế châu Á đầu tiên thoát dần khỏi các gói kích thích tiền tệ thời đại dịch và bình thường hóa chính sách nới lỏng.

Lee Ju-yeol, thống đốc ngân hàng trung ương Hàn Quốc, tuần trước nói họ sẽ bắt đầu thắt chặt chính sách tiền tệ vào cuối năm.

“Khả năng lãi suất tăng vào quý III nếu số ca nhiễm Covid-19 trong nước nhanh chóng được kiểm soát và chiến dịch tiêm chủng lấy lại đà nhưng nếu mọi thứ chững lại, kịch bản quý IV khả dĩ hơn”, kinh tế gia Krystal Tan của ANZ nói.

Xuất khẩu thủy sản năm 2021 có thể cán đích 9 tỷ USD

Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP) cho biết, xuất khẩu thủy sản trong tháng 6/2021 tiếp tục tăng 20% so với cùng kỳ năm ngoái khi đạt 865 triệu USD.

Đối với mặt hàng tôm, trong tháng 6/2021, xuất khẩu tôm đạt khoảng 402 triệu USD, tăng 15%, đưa tổng kim ngạch 6 tháng đầu năm lên 1,7 tỷ USD, tăng 13% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó tôm chân trắng chiếm 76% với trên 1,3 tỷ USD, tăng 23%; tôm sú chiếm 15%, đạt 257 triệu USD, giảm 10%; tôm biển các loại chiếm 9% đạt 154 triệu USD, giảm 16%.

Những thị trường xuất khẩu chính của tôm Việt Nam như Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đức đều đang gia tăng nhập khẩu tôm, do vậy xuất khẩu sang những nước này tăng trưởng tốt. Trong đó, xuất khẩu tôm sang Mỹ đang có đà tăng trưởng hàng tháng 45-46%, sang Nhật Bản tăng 17%, sang Hàn Quốc tăng 10%, Đức 60%, sang Anh tăng 15%.

Xuất khẩu cá tra sau khi tăng mạnh 39% trong tháng 5, tiếp tục tăng 35% trong tháng 6 đạt trên 150 triệu USD. Kết quả xuất khẩu nửa đầu năm 2021 đạt 788 triệu USD, tăng 18% so với cùng kỳ năm ngoái.

Xuất khẩu cá tra sang Trung Quốc đã và sẽ tiếp tục giảm khoảng 5-7% trong những tháng tới. Dù đang sụt giảm, nhưng Trung Quốc vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất, 26% xuất khẩu cá tra Việt Nam, do vậy những ách tắc của thị trường này đang tác động đáng kể đến xuất khẩu của doanh nghiệp Việt Nam.

Trong khi đó, xuất khẩu sang Mỹ và một số những thị trường nhỏ đang hồi phục rất mạnh mẽ, trong đó xuất khẩu sang Mỹ đang tăng khoảng trên 170%, chiếm 21%. xuất khẩu sang Mexico, Brazil, Anh, Thái Lan, Hà Lan, Colombia, Nga đều đạt mức tăng trưởng 3 con số (từ 100 – 450%). Mỗi thị trường này chiếm khoảng 2,5-4% giá trị xuất khẩu cá tra của Việt Nam, sẽ là những điểm đến tiềm năng cho cá tra Việt Nam, bù đắp sự sụt giảm tại Trung Quốc.

Theo VASEP, nhìn chung, trừ việc thị trường Trung Quốc kiểm soát chặt hàng nhập khẩu liên quan đến kiểm tra Covid làm ảnh hưởng đến doanh số xuất khẩu, những kết quả xuất khẩu rất khả quan sang các thị trường trọng điểm và các thị trường khác trong nửa đầu năm nay, cho thấy đích xuất khẩu 8,8-9 tỷ USD vào cuối năm 2021 là con số khả thi với thủy sản Việt Nam.

PMI giảm mạnh nhất trong hơn một năm

Chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng (PMI) của ngành sản xuất Việt Nam giảm từ 53,1 của tháng 5 xuống còn 44,1 điểm trong tháng 6, kết thúc chuỗi tăng trong 6 tháng liên tiếp trước đó và ghi nhận mức giảm mạnh nhất trong vòng 13 tháng.

Cụ thể, sản lượng và số lượng đơn đặt hàng mới giảm với tốc độ nhanh nhất kể từ đợt bùng phát đầu tiên của đại dịch vào đầu năm 2020. Nguyên nhân chủ yếu là đại dịch Covid-19 bùng phát trở lại, các biện pháp phong tỏa được tái áp dụng cục bộ và doanh nghiệp phải tạm thời đóng cửa.

Số lượng đơn đặt hàng mới từ nước ngoài cũng giảm do gặp phải những khó khăn trong khâu vận tải và tình trạng khan hiếm container.

Chủ tịch UBCK đồng ý áp dụng hệ thống giao dịch của FPT tại HOSE

Hôm nay 2/7, Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCK) Trần Văn Dũng đã chấp thuận cho Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HOSE) đưa giải pháp xử lý sự cố hệ thống giao dịch vào vận hành chính thức từ ngày 5/7/2021.

Hệ thống mới này được Công ty cổ phần FPT xây dựng dựa trên phần mềm đang áp dụng tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX), dự kiến sẽ nâng năng lực xử lý hàng ngày của HOSE từ 900.000 lệnh lên khoảng 3-5 triệu lệnh. Phần mềm tại HNX ban đầu cũng do chính FPT phát triển.

Bộ trưởng Y tế: Dự kiến 8 triệu liều vaccine Covid-19 về Việt Nam trong tháng này

Chủ trì cuộc họp Ban Chỉ đạo triển khai chiến dịch tiêm vaccine Covid-19 năm 2021-2022 sáng nay (2/7), Bộ trưởng Y tế Nguyễn Thanh Long, cho biết bộ đang nỗ lực để có vaccine về Việt Nam ngày một nhiều, nhằm đáp ứng nhu cầu tiêm chủng của người dân. Tuy nhiên, do nguồn cung đang trong tình trạng khan hiếm nên cao điểm vaccine về Việt Nam sẽ vào quý IV. Dự kiến trong tháng này có khoảng 8 triệu liều vaccine về Việt Nam.

Cục Chăn nuôi: Đề xuất đưa thức ăn chăn nuôi vào mặt hàng bình ổn giá là rất cần thiết

ông Nguyễn Kim Đoán, Phó Chủ tịch Hiệp hội Chăn nuôi Đồng Nai, cho biết: "Giá thức ăn chăn nuôi tăng liên tiếp 8 lần trong giai đoạn từ tháng 11/2020 đến tháng 6 năm nay, với mức tăng 300-500 đồng/kg tùy công ty, tùy loại. Nguyên nhân do tình hình chung của nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi trên thế giới cũng tăng nên khi vận chuyển về Việt Nam cũng tăng theo".

Theo Cục Chăn nuôi trong sản xuất thức ăn chăn nuôi công nghiệp, giá nguyên liệu thông thường chiếm khoảng 80-85% so với giá thành sản xuất; chi phí khác như nhiên liệu, khấu hao, nhân công, lãi vay, lương... chiếm khoảng 10-15%.

Việc phụ thuộc vào nguồn thức ăn chăn nuôi và nguyên liệu nhập khẩu dẫn đến phụ thuộc diễn biến giá trên thị trường thế giới.

Cũng theo ông Đoán, đây là lần đầu tiên trong lịch sử giá thức ăn chăn nuôi tăng liên tiếp đến 8 lần, tương đương mỗi tháng một lần. Khi giá thức ăn chăn nuôi tăng, bước đầu người dân nghĩ chỉ tăng vài lần sẽ ngưng nhưng hiện đã đến lần thứ 8 khiến người chăn nuôi rất lo lắng.

Trước tình hình tăng nóng của giá thức ăn chăn nuôi, mới đây, báo Công Thương dẫn lời ông Dương Mạnh Hùng, Vụ trưởng Vụ Thống kê Nông, lâm nghiệp và thủy sản (Tổng cục Thống kê), cho biết hiện đơn vị này đang đề xuất kiểm soát và bình ổn giá thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm và thủy sản.

Tập đoàn Masan nâng sở hữu The CrownX lên 85%, huy động tiếp 400 triệu USD

Tập đoàn Masan (HoSE: MSN) công bố việc mua lại cổ phần của The CrownX (TCX) từ các cổ đông thiểu số. Sau giao dịch, tỷ lệ sở hữu trực tiếp và gián tiếp của Masan Group tại The CrownX tăng từ 80,2% lên 84,9%. Trong giao dịch này, Masan Group cho biết Alibaba Group và Baring Private Equity Asia (BPEA) không tham gia.

Giữa tháng 6, tập đoàn vừa thông báo hoàn tất phát hành 5,5% cổ phần mới của The CrownX cho nhóm nhà đầu tư, trong đó có Alibaba Group và Baring Private Equity Asia với tổng giá trị tiền mặt 400 triệu USD. Sau giao dịch, tỷ lệ sở hữu của Masan Group tại CrownX giảm xuống 80,2%.

Lãnh đạo Masan Group vẫn đang có kế hoạch huy động thêm 300-400 triệu USD vốn đầu tư vào The CrownX trong nửa cuối năm 2021.

Doanh thu Dệt may TNG tháng 6 tiếp tục tăng

Đầu tư và Thương mại TNG (HNX: TNG) thông báo doanh thu quý II đạt 1.456 tỷ đồng, tăng 36% so với cùng kỳ năm trước. Lũy kế 6 tháng đạt 2.366 tỷ đồng, tăng 29%.

Riêng tháng 6, doanh nghiệp ghi nhận doanh thu 623 tỷ đồng, tăng 20% so với cùng kỳ năm trước và tăng 33% so với tháng trước. Kể từ tháng 2, doanh thu của doanh nghiệp liên tục tăng. Dự kiến, doanh thu tiêu thụ tháng 7 sẽ tăng nhẹ so với tháng 6 đạt 625 tỷ đồng.

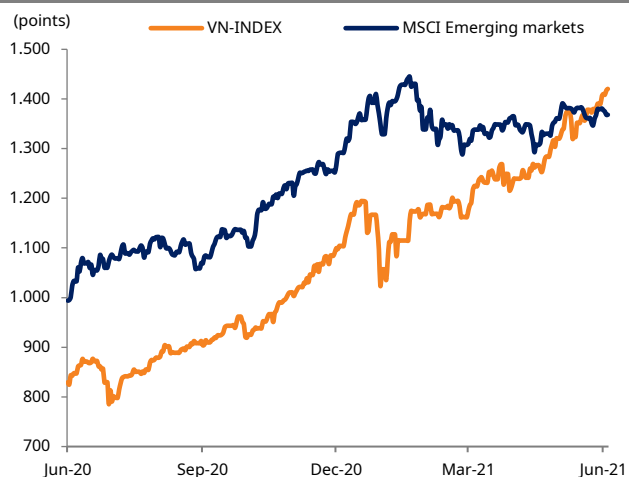
Dabaco (DBC): LNST quý 2 giảm mạnh chỉ còn phân nửa cùng kỳ, lũy kế 6 tháng đạt 579 tỷ đồng

Tập đoàn Dabaco Việt Nam (DBC) đã có đánh giá tình hình kinh doanh quý 2 cũng như 6 tháng đầu năm 2021. Ghi nhận, doanh thu quý 2/2021 đạt 3.812 tỷ đồng, tăng 40%. Khấu trừ chi phí lợi nhuận sau thuế Công ty đạt 214 tỷ đồng, giảm mạnh chỉ bằng phân nửa so với cùng kỳ năm 2020 (đạt hơn 401 tỷ đồng).

Lũy kế 6 tháng, doanh thu Công ty đạt 8.431 tỷ đồng, tăng gấp đôi so với cùng kỳ. Ngược lại, lợi nhuận sau thuế thu về 579 tỷ đồng, giảm 23%.

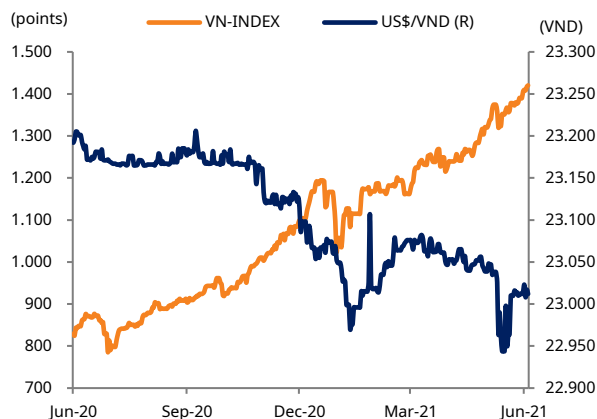
Năm 2021, DBC đặt kế hoạch 15.439 tỷ doanh thu, lợi nhuận sau thuế kỳ vọng thu về 827 tỷ đồng. Như vậy, lũy kế 6 tháng Công ty đã thực hiện được 55% kế hoạch doanh thu và 70% kế hoạch lợi nhuận.

Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets



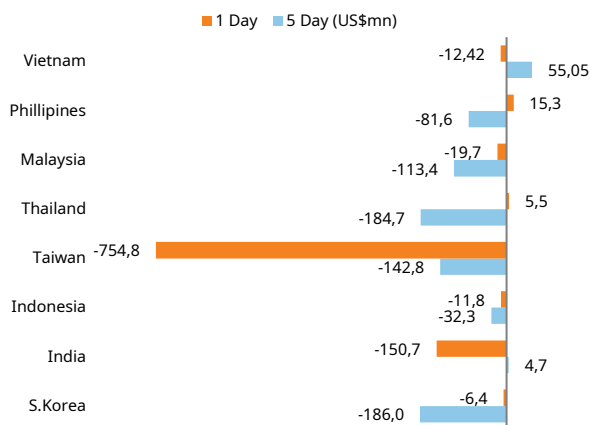
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND



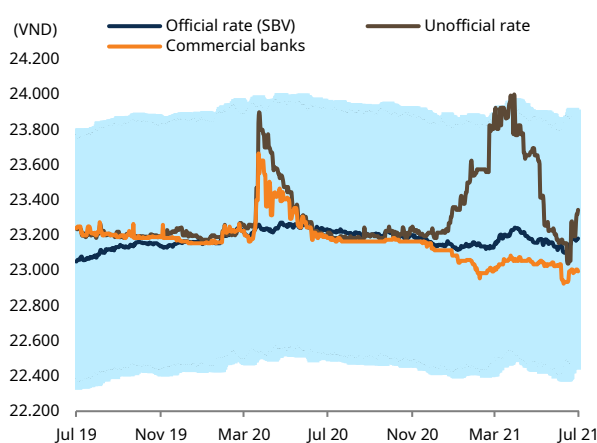
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

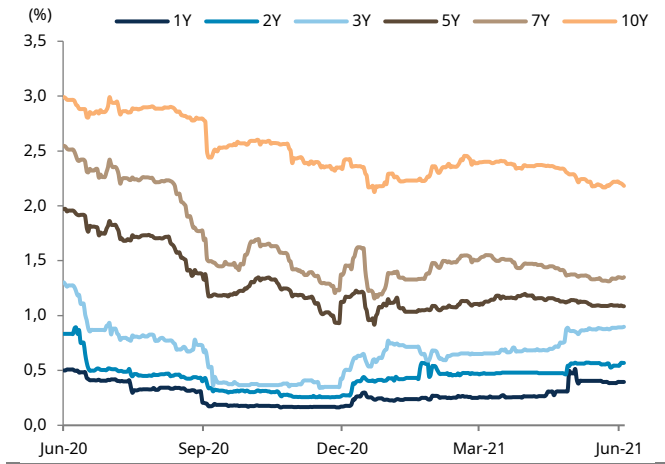
Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND



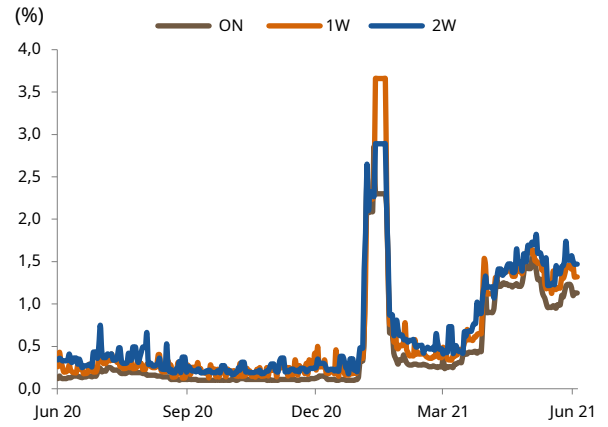
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ

Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (VND bn)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN30 Index	VN30 Index	1,554.59	3,757,739		0.6	3.6	5.1	97.9	15.2	13.0	2.8	2.4	14.4	16.8	22.7	20.6
NHTMCP Đầu tư & Phát triển	BID VN	47,050	189,236	16.6	-0.5	3.3	-0.7	20.6	20.0	14.7	2.1	1.8	62.2	36.8	12.0	14.6
Tập đoàn Bảo Việt	BVH VN	59,100	43,871	27.0	0.2	1.4	10.3	26.0	25.6	22.7	2.1	2.0	11.1	12.8	8.4	9.0
NHTMCP Công thương Việt Nam	CTG VN	52,700	196,223	25.1	0.6	-2.0	1.3	136.3	12.1	10.0	2.0	1.7	18.5	21.0	19.8	20.0
CTCP FPT	FPT VN	91,900	83,396	49.0	3.4	7.9	7.5	129.0	20.9	17.1	4.6	4.0	22.8	21.9	25.6	26.4
TCT Khí Việt Nam	GAS VN	96,600	184,888	2.7	2.5	-1.4	10.5	37.0	18.5	16.9	3.5	3.2	29.4	9.7	19.9	20.2
NHTMCP Phát triển TP.Hồ Chí Minh	HDB VN	37,200	59,288	17.5	2.1	5.4	9.4	148.5	10.8	9.0	2.0	1.7	29.4	20.3	21.3	20.2
Tập đoàn Hoà Phát	HPG VN	52,300	233,934	26.3	-0.9	3.2	-3.1	207.0	8.7	8.1	2.6	2.0	111.3	6.7	38.9	28.5
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	KDH VN	37,600	23,428	31.8	-0.3	1.3	4.7	84.8	19.5	14.4	2.5	2.2	3.2	35.2	14.2	17.0
NHTMCP Quân đội	MBB VN	43,450	121,606	21.0	0.0	3.2	12.9	199.3	11.0	9.4	2.1	1.7	33.2	17.0	21.2	20.7
Tập đoàn Masan	MSN VN	113,900	134,463	32.9	0.4	7.0	7.8	99.1	49.8	28.3	6.5	5.2	117.1	75.8	12.9	17.9
CTCP Thế giới di động	MWG VN	156,800	74,529	49.0	3.8	9.1	13.0	91.7	14.4	12.0	3.7	3.0	25.9	20.2	26.7	27.0
Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	NVL VN	119,000	175,359	8.8	-0.8	-0.1	15.8	166.8	32.2	35.3	5.1	5.0	26.1	-8.8	16.2	13.0
CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt	PDR VN	95,900	46,681	4.0	0.0	0.9	24.4	421.0	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	PLX VN	55,400	68,907	17.2	-0.2	-1.9	0.4	21.8	20.4	16.9	2.8	2.8	295.9	20.5	15.7	16.7
CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	PNJ VN	99,500	22,623	49.0	-0.7	2.2	-1.0	69.5	17.0	13.5	3.6	3.0	35.5	26.7	24.1	23.8
TCT Điện lực Dầu khí Việt Nam	POW VN	12,000	28,102	3.0	-0.8	-1.2	0.8	24.9	13.4	11.4	0.9	0.9	-10.7	17.8	7.3	8.1
CTCP Cơ điện lạnh	REE VN	56,700	17,523	49.0	-1.6	0.4	1.3	83.2	9.7	7.8	1.2	1.2	11.6	23.7	13.4	15.2
CTCP Mía đường TTC Tây Ninh	SBT VN	21,000	12,960	8.5	-1.6	0.5	5.5	50.5	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
CTCP Chứng Khoán Sài Gòn	SSI VN	57,900	37,920	47.0	0.7	7.8	25.9	282.2	23.7	18.5	NA	NA	24.5	28.2	14.3	16.2
NHTMCP Sài Gòn Thương Tín	STB VN	31,500	56,815	12.3	1.6	6.8	-2.2	185.1	27.1	18.5	1.9	1.7	-6.8	46.3	8.8	11.0
NHTMCP Kỹ Thương Việt Nam	TCB VN	54,300	190,316	22.5	1.9	5.2	2.8	174.9	11.7	10.0	2.1	1.8	31.8	17.4	19.8	19.2
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	TCH VN	21,850	8,722	13.6	-0.2	-0.9	-1.6	6.3	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	TPB VN	37,750	40,456	30.0	1.5	5.2	1.5	121.7	8.8	7.5	1.8	1.5	25.9	17.9	23.0	21.4
NHTMCP Ngoại Thương VN	VCB VN	114,900	426,150	23.5	-1.3	2.0	8.4	39.1	18.7	15.6	3.6	3.0	37.4	19.7	22.1	21.7
Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM VN	118,000	388,163	22.9	0.7	5.3	13.0	53.4	12.7	11.4	3.4	2.7	11.6	11.6	31.3	27.3
Tập đoàn Vingroup	VIC VN	117,500	397,436	15.8	-0.9	0.0	0.0	30.7	84.8	53.5	4.3	3.9	-18.1	58.5	7.7	9.0
CTCP Hàng Không Vietjet	VJC VN	120,600	65,318	18.3	-0.1	4.1	13.1	11.8	160.8	24.6	3.5	2.9	472.5	552.9	3.8	16.6
CTCP Sữa Việt Nam	VNM VN	90,100	188,305	54.9	-0.9	0.4	0.8	-4.3	18.3	17.2	5.6	5.4	3.0	6.3	33.9	34.5
NHTMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB VN	72,100	176,987	15.4	2.4	5.7	2.7	236.1	12.7	12.1	2.4	2.0	32.5	5.2	21.6	18.5
CTCP Vincom Retail	VRE VN	31,700	72,032	30.5	-0.3	0.3	5.3	21.0	25.7	21.0	2.3	2.1	17.5	22.7	8.8	10.1

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Bảng 2: Biến động ngành

Nhóm ngành (Chuẩn GICS)	Điểm tác động (VN-Index 1W)	Vốn hóa (VND bn)	Biến động giá (%)				P/E (X)*		P/B (X)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
			1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN-Index	30.15	5,317,651	0.2	2.2	5.9	68.6	17.1	14.1	2.8	2.4	13.3	20.8	19.8	18.9
Ô tô và phụ tùng	0.04	8,716	-0.7	1.8	5.6	56.8	6.6	6.0	1.3	1.2	35.0	9.8	12.5	12.0
Ngân hàng	14.40	1,824,591	0.6	3.1	4.2	97.6	15.1	12.1	2.4	2.0	31.2	22.0	19.0	18.8
Xây dựng cơ bản	0.15	180,216	-0.2	0.2	2.3	73.0	6.1	4.3	0.4	0.3	9.7	28.6	5.4	6.0
Dịch vụ thương mại	0.03	4,694	-0.2	3.1	4.2	21.5	7.4	5.8	NA	NA	18.8	27.9	10.1	12.2
May mặc và trang sức	0.19	45,818	0.3	1.6	5.5	152.4	13.3	10.7	2.6	2.2	42.1	21.9	17.8	17.8
Dịch vụ tiêu dùng	-0.02	8,378	-0.2	-0.6	8.0	13.5	NA	9.3	NA	NA	NA	NA	-7.2	5.1
Dịch vụ tài chính	2.24	102,305	2.4	8.9	28.9	250.4	14.6	7.7	0.7	NA	23.2	28.2	9.0	6.7
Năng lượng	-0.47	88,100	-0.1	-1.9	1.2	39.8	21.8	16.1	2.4	2.3	NA	32.1	13.6	14.5
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	1.71	533,129	-0.3	1.3	5.7	31.4	24.8	18.1	4.7	4.1	40.0	29.7	20.6	21.9
Dịch vụ và thiết bị y tế	0.00	892	1.2	-1.0	1.4	24.9	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Hàng cá nhân và gia dụng	0.00	1,840	0.7	0.5	-2.2	2.3	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bảo hiểm	0.17	51,775	0.1	1.2	9.6	28.0	22.8	20.1	1.9	1.7	11.6	13.8	7.8	8.4
Nguyên vật liệu	3.87	523,229	-0.7	2.8	8.9	184.8	15.0	14.3	2.2	1.0	85.5	-1.8	24.6	18.7
Giải trí và truyền thông	0.00	1,500	-0.2	-1.0	1.4	-26.3	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Dược phẩm	-0.24	35,934	-0.7	-2.1	-5.5	47.9	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bất động sản	5.41	1,289,269	-2.2	-2.3	1.4	29.5	9.0	7.7	1.5	1.0	10.5	14.2	9.1	9.6
Bán lẻ	1.68	82,896	-0.3	1.7	7.7	74.6	36.6	26.0	3.2	2.8	18.7	18.8	15.4	14.4
Phần mềm và dịch vụ	1.72	88,141	3.5	8.2	11.7	86.2	13.5	11.1	3.4	2.7	37.4	18.4	24.2	24.6
Thiết bị và phần cứng	0.08	5,830	3.3	7.7	7.7	124.2	19.6	16.1	4.3	3.8	29.9	19.3	24.1	24.7
Dịch vụ viễn thông	0.04	1,543	1.6	5.1	6.8	202.5	14.0	11.9	3.7	2.9	52.0	16.9	28.7	27.1
Vận tải	0.66	165,736	1.5	9.7	22.6	267.1	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tiện ích	-0.89	270,366	-0.2	1.6	8.0	33.5	66.7	12.3	26.3	1.4	NA	NA	-69.5	-34.0

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Bảng 3: Các cổ phiếu tác động VN-Index

Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1W)	Khối lượng	Điểm tác động
VHM VN	118,000	5.3	5,010,440	5.3
VPB VN	72,100	5.7	22,239,840	2.6
TCB VN	54,300	5.2	20,389,180	2.6
MSN VN	113,900	7.0	1,546,540	2.4
VCB VN	114,900	2.0	1,941,840	2.3
HPG VN	52,300	3.2	29,523,320	1.9
MWG VN	156,800	9.1	827,820	1.7
FPT VN	91,900	7.9	2,796,260	1.7
BID VN	47,050	3.3	4,687,780	1.6
GVR VN	36,200	3.6	5,176,420	1.4

Nguồn: Bloomberg

Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1W)	Khối lượng	Điểm tác động
CTG VN	52,700	-2.0	21,942,420	-1.1
GAS VN	96,600	-1.4	1,066,400	-0.7
SAB VN	169,200	-1.6	124,580	-0.5
PLX VN	55,400	-1.9	2,168,420	-0.4
BHN VN	62,000	-5.8	14,180	-0.2
LGC VN	52,000	-6.8	1,520	-0.2
ACB VN	36,100	-0.7	8,208,740	-0.2
FLC VN	13,050	-6.5	22,841,000	-0.2
BCM VN	54,000	-1.1	24,840	-0.2
APH VN	57,000	-4.4	466,300	-0.1

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) LLC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.